

Hướng dẫn chọn size áo Polo - Form Unisex

SIZE	Chiều cao (cm)	Cân nặng (kg)	Dài áo trước (cm)	Rộng ngang vai (cm)	1/2 Rộng ngực (cm)	1/2 Rộng gấu (cm)	Dài tay cộc (cm)	1/2 Rộng bắp tay (cm)	1/2 Rộng cửa tay (cm)	Hình ảnh sản phẩm
XS (28)	155-163	47-56	65	39	44.5	43.5	18.6	17.6	14	
S (29)	162-168	57-62	66	40.5	46.5	45.5	19.3	18.3	14.5	
M (30)	169-173	63-67	68	42	48.5	47.5	20	19	15	
L (31)	171-175	68-72	70	43.5	50.5	49.5	20.7	19.7	15.5	
XL (32)	173-177	73-77	71	45	52.5	51.5	21.4	20.4	16	
XXL (33)	175-179	78-82	73	47	55.5	54.5	22.1	21.3	16.7	
3XL (34)	177-181	83-88	75	49	58.5	57.5	22.8	22.2	17.4	
4XL (35)	179-185	89-95	75	51	61.5	60.5	22.8	23.1	18.1	
Dung size	1	1	1	1	1	1	0.5	0.5	0.5	
Ghi chú			Từ đỉnh vai đến giữa gấu trước	2 đầu vai	Dưới nách 2cm	Ngang gấu	Từ đầu vai đến hết cửa tay	Ngang nách vuông ra sống tay	Ngang cửa tay	



